

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C TH
TỈNH T.H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 / 2018/HS-ST
Ngày 21- 08 -2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TH, TỈNH T.H**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Cao Văn Quỳnh

2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C Th, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C Th, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Phạm Minh Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 08 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C Th Th, tỉnh T.H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/HSST ngày 25 tháng 07 năm 2018 theo quyết định đưa ra xét xử số 17/2018/QĐXXST- HS, ngày 02/08/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn H1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/8/1983

Nơi sinh: Xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: Thôn GC, xã C S, huyện C Th, tỉnh T.H

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Lê Mạnh H; SN:1950; Con bà: Hoàng Thị T; SN: 1955

Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 4 anh chị em

Vợ: Lê Thị T; SN: 1988; Con: Chưa có; Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2018, tạm giam tại trạm tạm giam CA tỉnh T.H từ ngày 26/5/2018 đến nay.

2. Họ và tên: Đào Anh D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/10/1977

Nơi sinh: Xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: Thôn HG 1, xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 11/12

Con ông: Đào Thiên D (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N; SN: 1940

Bị cáo là con trai duy nhất trong gia đình; Vợ con: Chưa có

Tiền án: 02 tiền án:

+ Năm 2005 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, ngày 17/02/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh T.H xử phạt 04 năm tù giam theo bản án số 29/2006/HSST;

+ Năm 2011 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, ngày 28/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C Th xử phạt 8 năm tù giam theo bản án số 43/HSST. Năm 2017 ra tù; Tiền sự : Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2018, tạm giam tại trạm tạm giam CA tỉnh T.H từ ngày 26/5/2018 đến nay.

3. Họ và tên: Bùi Văn L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/01/1974

Nơi sinh: Xã C B, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: Thôn BH 3, xã C Bình, huyện C Th, T.H

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12

Con ông: Bùi Văn T (Đã chết); Con bà: Phạm Thị Đ (Đã chết)

Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 3 anh chị em

Vợ: Nguyễn Thị K; SN: 1975; Con gái: Bùi Thị D; SN: 1995

Con trai: Bùi Ngọc D; SN: 1997 ; Tiền án: Không

Tiền sự: 01 (Một) tiền sự: Tháng 5/2018 bị Công an huyện C Th ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện C Th xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng (đã được sủa án tích)

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/05/2018 đến ngày 23/05/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: Nguyễn Đăng Th; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/12/1977

Nơi sinh: Xã C Bình, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: Thôn BH 2, xã C Bình, huyện C Th, T.H ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12

Con ông: Nguyễn Đăng T; SN: 1948 ; Con bà: Nguyễn Thị T; SN: 1953; Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có ba anh chị em ; Vợ: Hoàng Thị M; SN: 1974; Có hai con: Nguyễn Đăng H; SN: 2000; Nguyễn Đăng Hưng; SN: 2013 ; Tiền án/Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1998 bị Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia lai xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Đã được sủa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/05/2018 đến ngày 26/05/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: Trịnh Xuân D1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/7/1990

Nơi sinh: Xã C Tú, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: Thôn C H, xã C T, huyện C Th, T.H

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Trịnh Ngọc L; SN: 1963; Con bà: Trịnh Thị Kh; SN: 1968; Bị cáo là con trai cả trong gia đình có 2 anh em; Vợ: Nguyễn Thị Ch; SN: 1995; Có một con, SN: 2016; Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/05/2018 đến ngày 26/05/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: Lê Thế H2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1982

Nơi sinh: Xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: Thôn GC, xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Cán bộ viên chức; Chức vụ: Cán bộ văn hóa xã CS

Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lê Thế Kh; SN: 1951;

Con bà: Nguyễn Thị Q; SN: 1951;

Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có ba anh em

Vợ, con: Chưa có; Tiền án/Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/05/2018 đến ngày 26/05/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

7. Họ và tên: Lê Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/9/1989

Nơi sinh: Xã C P, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C P, huyện C Th, T.H

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Lê Văn T; SN: 1955; Con bà: Nguyễn Thị Q; SN: 1958

Bị can là con thứ 3 trong gia đình có ba anh chị em; Vợ, con: Chưa có

Tiền án/Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/05/2018 đến ngày 26/05/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Họ và tên: Lê Thị H3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 16/02/1983

Nơi sinh: Xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: Thôn GC, xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Lê Văn V (Đã chết); Con bà: Hoàng Thị T; SN: 1952; Bị cáo là con gái duy nhất trong gia đình; Chồng: Tô Hoa T; SN 1980; Con hai con, lớn SN: 2005; nhỏ SN: 2011; Tiền án/Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/05/2018 đến ngày 26/05/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Họ và tên: Nguyễn Xuân T2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam
Sinh ngày: 20/11/1990.

Nơi sinh: Xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H

Nơi cư trú: HG, xã CS, huyện C Th, T.H

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12 ;

Con ông: Nguyễn Văn S, SN: 1964 ; Con bà: Đỗ Thị T; SN: 1966 ; Bị cáo là con cả trong gia đình có hai anh chị em; Vợ: Ngô Thị H; SN: 1992; Bị cáo có hai con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm: 2016 ;

Tiền án/Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/05/2018 đến ngày 26/05/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Anh: Lê Thế C – Thôn GC, xã CS, huyện C Th
2. Anh: La Văn H – Thôn C H, xã C Tú, huyện C Th
3. Anh: Hà Văn L – ĐC, xã C P, huyện C Th
4. Anh: Nguyễn Xuân Đ – ĐC, xã C P, C Th
5. Anh: Đào Duy T – Thôn GC, xã CS, huyện C Th

Đều vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20/5/2018 Nguyễn Xuân T2 sinh năm 1990; Đào Anh D sinh năm 1977 cùng trú tại thôn H1g Giang 1, xã CS, huyện C Th rủ đến nhà Lê Văn H1 sinh năm 1983, trú tại thôn GC, xã CS, huyện C Th, để đi chơi. T2 và D vào nhà H1, ngồi uống nước nói chuyện cùng H1 và Lê Thế C sinh năm 1992, trú tại thôn GC, xã CS, huyện C Th (Cường đến nhà H1 trước T2 và D). Sau đó lần lượt có Lê Văn T sinh năm 1989, Nguyễn Xuân Đồng sinh năm 1987 cùng trú tại thôn Đồng Chạ, xã C Phong, huyện C Th; Trịnh Xuân D1 sinh năm 1990, La Văn Hùng sinh năm 1994 cùng trú tại thôn C Hoa, xã C Tú, huyện C Th; Bùi Văn L sinh năm 1974, trú tại thôn BH 3, xã C Bình, huyện C Th; Nguyễn Đăng Th sinh năm 1977, trú tại thôn BH 2, xã C Bình, huyện C Th; Lê Thế H2 sinh năm 1982, Lê Thị H3 sinh năm 1983 cùng trú tại thôn GC, xã CS, huyện C Th đến, tất cả mọi người ngồi uống nước nói chuyện với nhau còn Nguyễn Xuân Đ nằm ngủ tại phòng ngủ nhà Lê Văn H1. Đến Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, thì một số người có mặt tại nhà H1 rủ nhau đánh xóc đĩa ăn tiền. Lúc này tất cả mọi người đi vào phòng bếp nhà Lê Văn H1, dùng 01 bát sứ và 01 đĩa sứ nhà H1 và 04 quân bài hình tròn do T2 cắt làm công cụ đánh bạc. Lê Văn H1 cùng với Bùi Văn L, Nguyễn Đăng Th, Lê Văn T, Trịnh Xuân D1, Lê Thế H2, Đào Anh D, Lê Thị H3, Nguyễn Xuân T2 đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, còn Lê Thế Cường và La Văn Hùng ngồi xem không tham gia đánh bạc. Ban đầu đánh bạc Bùi Văn L là người cầm cái, sau đó Lê Văn T là người cầm

cái, quy ước cách chơi là có hai mặt chắn và lẻ, người chơi sẽ chọn một mặt để đặt cược, mỗi ván người chơi cược với người cầm cái tối thiểu là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), không giới hạn mức cược tối đa, nếu chọn đúng sẽ được số tiền gấp đôi số tiền đặt cược, người cầm cái có nghĩa vụ thanh toán nếu thiếu phải bỏ tiền túi ra bù, nếu sau khi cân hai mặt thừa ra thì được hưởng. Trong quá trình đánh bạc những người tham gia đánh bạc đưa tiền hồ cho chủ nhà là H1. Đến khoảng 23 giờ 50 phút ngày 20/5/2018, tổ công tác Công an huyện C Th đã phát hiện, bắt quả tang Lê Văn H1, Đào Anh D, Bùi Văn L, Nguyễn Đăng Th, Trịnh Xuân D1, Lê Thế H2, Lê Văn T, Lê Thị H3 và Nguyễn Xuân T2 đánh bạc ăn tiền bằng hình thức xóc đĩa tại nhà Lê Văn H1 trú tại thôn GC, xã CS, huyện C Th, thu giữ 01 (Một) bát sứ, 01 (Một) đĩa sứ, 04 (Bốn) quân bài hình tròn được cắt từ vỏ thuốc lá Thăng Long, 11 (Mười một) điện thoại di động, 03 (Ba) xe mô tô và số tiền 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng đánh bạc như sau: Lê Văn T 1.300.000đ, Trịnh Xuân D1 4.000.000đ, Lê Thế H2 600.000đ, Lê Thị H3 450.000đ, Nguyễn Xuân T2 400.000đ; Lê Văn H1 1.000.000đ; Đào Anh D 600.000đ; Bùi Văn L 4.000.000đ.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT còn thu: 01 bát bằng sứ màu trắng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng; 04 quân bài hình tròn được cắt từ vỏ thuốc lá Thăng Long là công cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc; 11 chiếc Điện thoại di động và 03 xe mô tô gồm: Thu của Lê Văn Tàn 01 điện thoại IPHONE 7 màu trắng vàng; Trịnh Xuân D1 01 điện thoại NOKIA màu đen, Lê Thế H2 01 điện thoại NOKIA màu đen, Lê Thị H3 01 điện thoại OPPO màu trắng vàng, Nguyễn Xuân T2 01 điện thoại NOKIA màu đen; Lê Văn H1 01 điện thoại Sam Sung màu vàng; Đào Anh D 01 điện thoại NOKIA màu đen; Bùi Văn L 01 điện thoại di động Aphone 5S màu trắng; Nguyễn Đăng Th 01 điện thoại SAM SUNG màu trắng. Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Xuân Đồng 01 điện thoại NOKIA màu xanh; Lê Văn Hùng 01 điện thoại NOKIA màu đen (hai đối tượng này không tham gia đánh bạc)

Thu giữ của Lê Văn Tàn 01 xe Mô tô BKS 36L1-104-46 hiệu HONDA WAVE màu trắng. Thu giữ của Bùi Văn L 01 Mô tô hiệu YAMAHA- EXETER màu xanh trắng BKS 36B2 -540-37; Thu giữ của Lê Thế H2 01 xe Mô tô BKS 36L1- 076-48 hiệu HONDA WAVE màu trắng đen. Qua điều tra xác định các bị can không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Do đó, ngày 26/5/2018 và ngày 25/6/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện C Th ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Người làm chứng trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều có lời khai phù hợp với lời khai các bị cáo và nội dung bản cáo trạng.

Tại bản cáo trạng số 15/2018/CT-VKSCT-TA, ngày 24/07/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C Th, tỉnh T.H đã truy tố các bị cáo Truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện C Th để xét xử các bị cáo Lê Văn H1, Bùi Văn L, Nguyễn Đăng Th, Lê Văn T, Trịnh Xuân D1, Lê Thế H2, Lê Thị H3, Nguyễn Xuân T2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017); bị cáo

Đào Anh D về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố L tội và tranh L: Qua điều tra và phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố các bị cáo: Lê Văn H1, Bùi Văn L, Nguyễn Đăng Th, Lê Văn T, Trịnh Xuân D1, Lê Thế H2, Lê Thị H3, Nguyễn Xuân T2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017); bị cáo Đào Anh D về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Anh D; Đề nghị xử phạt bị cáo D từ 36 đến 42 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Văn H1; Đề nghị xử phạt bị cáo H1 từ 12 đến 16 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn L; Đề nghị xử phạt bị cáo L từ 6 đến 9 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đăng Th; Đề nghị xử phạt bị cáo Th từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s; khoản 1 Điều 51, Điều 50, 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Thế H2, Lê Văn T, Nguyễn Xuân T2, Trịnh Xuân D1, Lê Thị H3 (Áp dụng khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo T2, H2, H3) Đề nghị xử phạt các bị cáo, T, H2, Dũng; T2, H3 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị phạt bổ sung các bị cáo: D, H1 từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ; bị cáo L, Th từ 12.000.000đ đến 15.000.000đ; Bị cáo T, Dũng; H3, T2, từ 11.000.000đ đến 12.000.000đ; bị cáo H2 có thu nhập nên khấu trừ 10% thu nhập/ tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm. 01 bát bằng sứ màu trắng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng; 04 quân bài hình tròn được cắt từ vỏ thuốc lá Thăng Long là công cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc;

Tịch thu số tiền 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh L: Bị cáo H2 tranh L đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ về việc bố bị cáo là người có công và bị nhiễm chất độc da cam. Các bị cáo đều thống nhất với bản L tội, không có bị cáo nào tranh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C Th; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện C Th, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Vì vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Xét thấy trong quá trình điều tra, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, xét thấy cần thiết để làm rõ hành vi của các bị cáo sẽ được công bố tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết L:

Khoảng 22 giờ 30 ngày 20/5/2018 tại nhà Lê Văn H1, tại thôn GC, xã CS, huyện C Th, các bị cáo Lê Văn H1, Bùi Văn L, Nguyễn Đăng Th, Lê Văn T, Trịnh Xuân D1, Lê Thế H2, Đào Anh D, Lê Thị H3 và Nguyễn Xuân T2 đã có hành vi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa. Các bị cáo đánh bạc đến 22 giờ 30 đến 23 giờ 50 cùng ngày thì bị Công an huyện C Th bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc bị thu giữ là 15.400.000đ (*Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*). Quá trình bắt giữ bị cáo T2 lợi dụng sơ hở đã bỏ trốn, đến ngày 21/5/2018 ra đầu thú. Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo D có tiền án đã tái phạm về một tội chưa được xóa án tích, do đó hành vi của Đào Anh D phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm, đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội, gây cho dư L xã hội bất bình trong quần chúng nhân dân. Đây cũng là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác. Đòi hỏi các cơ quan pháp luật phải xử lý nghiêm minh. Nhất là trong thời gian gần đây tình hình chơi đánh bạc, số đề vẫn có chiều hướng gia tăng. Nguyên nhân chủ yếu là do có một bộ phận thanh niên lười lao động, lại ham chơi đua đòi dẫn đến con đường cơ bạc lấy đó là thú vui cho bản thân. Đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, với tổng số tiền tham gia đánh bạc không lớn. Nhưng cần đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo để lên mức hình phạt cho phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo H1 với vai trò là chủ nhà đã lấy nơi ở của gia đình mình cho các bị cáo khác đến đánh bạc và cũng là người trực tiếp đánh bạc với số tiền 1.000.000đ, ngoài

ra còn thu tiền hồ của các bị cáo để mua thuốc, nước uống và sử dụng vào việc đánh bạc 950.000đ. Vì vậy, bị cáo có vai trò vừa tham gia đánh bạc vừa có vai trò giúp sức tích cực, hành vi thu tiền hồ của các bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức đánh bạc, nên cần đánh giá vai trò của bị cáo là cao nhất trong vụ án và cần tiếp tục cách ly bị cáo ra đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người công dân tốt cho xã hội. Bị cáo L, D1 dùng số tiền đánh bạc nhiều nhất 4.000.000đ, nhưng L với vai trò là người cầm cái từ đầu, bị cáo có nhân thân sâu, đang có tiền sự, mới bị Công an huyện C Th xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc vào tháng 5/2018, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện việc coi thường pháp luật đối với bị cáo, nên cần đánh giá bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và gia đình.

Bị cáo Th tiền sử dụng đánh bạc không nhiều 600.000đ; nhưng lại có nhân thân sâu, 1998 bị Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia lai xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Đã được súa án tích) sau khi chấp hành án về địa phương là một công dân tốt, chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương và pháp luật, nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, để bị cáo nhận thức sâu sắc hành vi phạm tội của mình cải tạo bản thân thành người có ích cho xã hội và gia đình.

Bị cáo T, H2, Thọ là các bị cáo đều có nhân thân tốt, số tiền sử dụng đánh bạc không nhiều, nhưng vai trò của các bị cáo là tương đương nhau, trong đó bị cáo T tuy tham gia đánh bạc sau hai bị cáo H2 và bị cáo T2 và là người mới cầm cái được hai tiếng bạc thì bị bắt, số tiền sử dụng đánh bạc 1.300.000đ nên có vai trò cao nhất trong 3 bị cáo, bị cáo T2 có số tiền sử dụng đánh bạc thấp nhất 400.000đ, nhưng lại là người cắt quân, bị cáo H2 số tiền sử dụng đánh bạc 600.000đ, nhưng bản thân là một cán bộ Văn Hóa xã CS, không gương mẫu lại đua đòi tham gia đánh bạc cùng các bị cáo, nên cần phân hóa vai trò bị cáo T cao hơn bị cáo H2, Thọ để lên mức hình phạt đối với các bị cáo, nhưng không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo H3 có vai trò thấp nhất trong vụ án tiền sử dụng đánh bạc không nhiều 450.000đ. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên chỉ cần lên mức hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Trong vụ án nay đối với bị cáo D, số tiền tiền sử dụng đánh bạc không nhiều 500.000đ, nhưng bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị khởi tố theo điểm d, khoản 2 Điều 321- BLHS nên phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, không phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều đã thành khẩn nhận tội, tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy, các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 – BLHS năm 2015 (bị cáo D, H1, L, Th không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51). Bị cáo H1, L, Th đều có nhân thân sâu (Bị cáo L có một tiền sự). Các bị cáo Dũng, H2, T, T2, H3 đều

có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài ra bị cáo H1 bố có huân huy chương và là thương bệnh binh, bị cáo T2 sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo H2 bố thuộc gia đình chính sách nhiễm chất độc màu da cam bị cáo H3 gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ, nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 – BLHS năm 2015. Do vậy, cần xem xét áp và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để phân hóa hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp và tương xứng với vai trò và nhân thân các bị cáo.

Đánh giá việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo, H1, Th đều có nhân thân sâu; bị cáo D thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; bị cáo L đang có tiền sự về hành vi đánh bạc, nên việc lên mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là cần thiết và cần cần ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội (bị cáo Th tuy có nhân Thân sâu, nhưng đã được súa án tích, số tiền sử dụng đánh bạc không nhiều sau khi chấp hành án về địa phương là một công dân tốt, chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương và pháp luật, nên chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo T, Dũng, T2, H2, H3 đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên có thể lên mức hình phạt đối với các bị cáo là hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo. Các bị cáo T, Dũng, T2, H2, H3 đều được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ (Từ ngày 20/05/2018 đến ngày 26/5/2018) tính quy đổi thời gian tạm giữ 01 ngày bằng 03 cải tạo không giam giữ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321, “Người phạm tội còn có thể bị xử phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi, sát phạt lẫn nhau nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định pháp luật.

Các bị cáo T, Dũng, T2, H3 không có thu nhập ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Bị cáo H2 có thu nhập ổn định 4.000.000đ/ tháng nên khấu trừ thu nhập của bị cáo là 10%/tháng để sung công quỹ nhà nước, không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ; 04 quân bài hình tròn được cất bằng vỏ thuốc lá vina, đây là các công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về số vật chứng thu giữ của các bị cáo và người liên quan khi bắt quả tang gồm 11 (Mười một) điện thoại di động, 03 (Ba) xe mô tô. Tại cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Tại phiên tòa đã được làm rõ số vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên việc Cơ quan điều tra ra quyết định trả lại ssoos vật chứng trên là có cơ sở, đúng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tổng số tiền 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Đối với địa điểm các bị cáo đánh bạc là ngôi nhà của bị cáo H1, xét chưa đủ yếu tố về tội tổ chức đánh bạc nên cần xem xét với vai trò giúp sức của bị cáo trong việc đánh bạc.

[8] Về án Phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn H1, Bùi Văn L, Đào Anh D, Nguyễn Đăng Th, Lê Văn T, Trịnh Xuân D1, Lê Thế H2, Lê Thị H3 và Nguyễn Xuân T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50, 53; 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đào Anh D 42 (Bốn hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 5 năm 2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo H1 và bị cáo L. Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 5 năm 2018.

Bị cáo Bùi Văn L từ 07 (Bảy) tháng tù, bị cáo được trừ đi 3 ngày tạm giữ, còn phải thụ hình 6 tháng 27 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50, 58; Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Th 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Th cho UBND xã C Bình, huyện C Th, tỉnh T.H giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 9 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 50, 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 18 ngày cải không giam giữ đã quy đổi. Thời gian còn phải chấp hành là 11 tháng 12 ngày. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã C Phong, huyện C Th, tỉnh T.H giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T2, Trịnh Xuân D1 mỗi bị cáo 11 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 18 ngày cải không giam giữ đã quy đổi . Thời gian còn phải chấp hành của hai bị cáo là 10 tháng 12 ngày. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T2 cho UBND xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo D1 cho UBND xã C Tú, huyện C Th, tỉnh T.H giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Đối với các bị cáo Lê Văn T, Trịnh Xuân D1, Nguyễn Xuân T2, Lê Thị H3 do không có thu nhập ổn định nên miễn không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Xử phạt bị cáo Lê Thế H2, Lê Thị H3 mỗi bị cáo 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 18 ngày cải tạo không giam giữ đã quy đổi. Thời gian còn phải chấp hành của hai bị cáo là 08 tháng 12 ngày. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo H2, H3 cho UBND xã CS, huyện C Th, tỉnh T.H giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành án bị cáo H2 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định của cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo H2 trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ. Để sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bị cáo Lê Thế H2 bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Lê Văn T, Trịnh Xuân D1, Nguyễn Xuân T2, Lê Thị H3 do không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bổ sung bị cáo D 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), bị cáo H1 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); bị cáo L 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); bị cáo Th 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) Bị cáo T 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); bị cáo Dũng, bị cáo T2 mỗi bị cáo 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) Bị cáo H3 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước. Buộc các bị cáo phải thi hành một lần.

[2]. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015

Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 01 bát bằng sứ màu trắng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng; 04 quân bài hình tròn được cắt từ vỏ thuốc lá Thăng Long là công cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Hiện đang được lưu kho tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Th theo biên bản giao nhận ngày 26/05/2018.

Tịch thu số tiền 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước. Hiện đang được niêm phong và lưu giữ tại Kho bạc nhà nước huyện C Th theo Phiếu nhập kho ngày 30 tháng 5 năm 2018.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Các bị cáo Lê Văn H1, Bùi Văn L, Nguyễn Đăng Th, Lê Văn T, Trịnh Xuân D1, Lê Thế H2, Đào Anh D, Lê Thị H3 và Nguyễn Xuân T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

[4]. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T.H;
- VKSND huyện C Th;
- Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Các bị cáo;
- UBND xã C Bình, CS, C Phong
- C Tú, huyện C Th;
- Công an huyện C Th;
- Chi cục THADS huyện C Th;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Nga